

# LÝ LUẬN MÁC - LÊNIN

## VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

### VÀ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

★ TS NGUYỄN DƯƠNG HÙNG

*Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** *Lý luận về thời kỳ quá độ (TKQĐ) lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) là một trong những nội dung quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin, chỉ giai đoạn chuyển tiếp còn đan xen những yếu tố, đặc điểm của hai hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn thấp là xã hội chủ nghĩa) với hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Việc nhận thức và vận dụng lý luận này ở Việt Nam là một quá trình sáng tạo, bổ sung, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

● **Từ khóa:** *Chủ nghĩa Mác - Lênin, lý luận về thời kỳ quá độ, CNTB, CNXH, CNCS.*

Sự ra đời học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác và Ph.Ăngghen đã đánh dấu một bước nhận thức mới, thực sự khoa học về lịch sử nhân loại. Với quan điểm *sản xuất vật chất* là cơ sở của đời sống xã hội, *phương thức sản xuất* quyết định các mặt của đời sống xã hội, đồng thời cũng là cơ sở quyết định sự hình thành, phát triển và thay thế lẫn nhau giữa các hình thái kinh tế - xã hội; các ông cho rằng, xã hội loài người đã và sẽ tuần tự trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao, trong đó hình thái kinh tế - xã hội CSCN là hình thái cuối cùng, tiến bộ nhất trong lịch sử loài người<sup>(1)</sup>. Sự chuyển tiếp giữa các hình thái kinh tế - xã hội chính là *thời kỳ quá độ*.

Quan niệm về 2 giai đoạn của hình thái kinh tế - xã hội CSCN: giai đoạn thấp tương ứng với CNXH hay xã hội XHCN; giai đoạn cao là chủ nghĩa cộng sản hay xã hội cộng sản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản có một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia... một TKQĐ về chính trị..., chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản, và đó là “những cơn đau để kéo dài”. Trong *Phê phán Cương lĩnh Gôta*, C.Mác viết: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể

là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*"<sup>(2)</sup>. Theo đó, thời kỳ này có đặc điểm: i) Do xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, nên mọi mặt của nó, về kinh tế, đạo đức và tinh thần, ... *vẫn còn mang những dấu vết của xã hội cũ - xã hội tư bản chủ nghĩa*; ii) là thời kỳ *cải biến sâu sắc và triệt để* từ xã hội tư bản chủ nghĩa sang xã hội XHCN, nên công cụ để thực hiện điều này là *nhà nước chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*; iii) Do *tính khó khăn, phức tạp* của TKQĐ, nên đây là thời kỳ của *"sau những cơn đau đẻ kéo dài"*<sup>(3)</sup>.

Quan điểm của các ông là thời kỳ quá độ từ xã hội tư bản chủ nghĩa sang xã hội cộng sản chủ nghĩa chỉ xuất hiện ở những nước tư bản chủ nghĩa đã phát triển cao nhất. Để thực hiện bước quá độ này tất yếu phải thực hiện cuộc cách mạng vô sản và thiết lập chuyên chính vô sản. Đây thực chất là sự quá độ trực tiếp từ những nước tư bản đã phát triển hết mức trong khuôn khổ hình thái kinh tế - xã hội của nó.

Vận dụng lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười (1917), V.I.Lênin đã phát triển lý luận về TKQĐ từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH. Theo ông, TKQĐ lên CNXH là tất yếu, khách quan đối với mọi nước xây dựng CNXH, song đối với những nước có lực lượng sản xuất phát triển cao thì TKQĐ lên CNXH có nhiều thuận lợi hơn, có thể ngắn hơn so với những nước đi lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Theo V.I.Lênin, "Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định. Thời kỳ đó không thể không bao gồm những đặc điểm hoặc đặc trưng của cả hai kết cấu kinh tế xã hội ấy. Thời kỳ quá độ ấy không thể nào lại không phải là một thời kỳ đấu tranh giữa chủ

nghĩa tư bản đang giãy chết và chủ nghĩa cộng sản đang phát sinh, hay nói một cách khác, giữa chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn, và chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng vẫn còn rất non yếu"<sup>(4)</sup>. Đây là thời kỳ mà trong lĩnh vực kinh tế "có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội"<sup>(5)</sup>. Ông cho rằng, TKQĐ từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH có 4 đặc điểm sau: (1) xét về mọi mặt của đời sống xã hội, đều do *những thành phần không thuần nhất* tạo nên. Đó là thời kỳ *có sự đan xen, thâm nhập lẫn nhau* giữa chủ nghĩa tư bản và CNXH; (2) sự phát triển của cái cũ, của những trật tự cũ *đôi khi lấn át* những mầm mống của cái mới, những trật tự mới; (3) xét về mọi phương diện, đều có sự phát triển của trình tự phát triển tư sản, là thời kỳ chứa đựng *mâu thuẫn không thể dung hòa* giữa tính kỷ luật nghiêm ngặt của giai cấp vô sản và tính vô chính phủ, vô kỷ luật của các tầng lớp tiểu tư sản. Đây là một trong những điểm nổi bật của giai đoạn quá độ; (4) là thời kỳ *lâu dài*, có rất *những khó khăn, phức tạp*, phải trải qua *những lần thử nghiệm* để rút ra những kinh nghiệm, hướng đi đúng đắn, tuy nhiên, trong quá trình thử nghiệm *có thể phải trả giá* cho những sai lầm nghiêm trọng<sup>(6)</sup>.

V.I.Lênin phân chia quá trình hình thành và phát triển của CNCS thành 3 giai đoạn: (1) Giai đoạn "những cơn đau đẻ kéo dài", tức "thời kỳ quá độ" từ chủ nghĩa tư bản đi lên CNXH; (2) Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, hay còn gọi là giai đoạn thấp, tương ứng là xã hội XHCN; (3) Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa, chính là xã hội cộng sản chủ nghĩa (hay chủ nghĩa cộng sản) đã ở mức độ hoàn bị đúng bản chất của nó. Như vậy, "thời kỳ quá độ" là một *giai đoạn độc lập*, *có vị trí riêng biệt* nằm giữa chủ nghĩa tư bản và CNXH, nó chưa phải là

CNXH và cũng không nằm ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản. Đây là một nhận thức quan trọng trong cả lý luận và thực tiễn, cho phép những người cộng sản xác định được đặc điểm, nội dung và nhiệm vụ, mục đích của TKQĐ cũng như các giai đoạn tiếp theo sau TKQĐ.

Tính chất lâu dài, khó khăn và phức tạp của TKQĐ được V.I.Lênin chỉ rõ và theo ông nó được quy định, phụ thuộc bởi xuất phát điểm từ những tiến đề về kinh tế, văn hóa, xã hội khi bước vào TKQĐ của mỗi quốc gia cụ thể. Ông viết: "... tất yếu phải có một thời kỳ quá độ lâu dài và phức tạp từ xã hội tư bản chủ nghĩa (xã hội đó càng ít phát triển, thì thời kỳ đó càng dài)... tiến lên xã hội cộng sản chủ nghĩa"<sup>(7)</sup>. Như vậy, bản thân những nước quá độ từ chủ nghĩa tư bản đã cần có TKQĐ khá lâu dài thì đối với những nước có điểm xuất phát thấp hơn chủ nghĩa tư bản (tiền chủ nghĩa tư bản) càng cần phải có một TKQĐ lâu dài hơn nhiều lần. Điều này hoàn toàn đúng về tính quy luật và tính khách quan. Theo tính quy luật thì CNXH ra đời trên cơ sở của sự phát triển đến đỉnh cao của chủ nghĩa tư bản; song về khách quan, CNXH cũng có thể ra đời từ xuất phát điểm thấp hơn chủ nghĩa tư bản khi những tiến đề cho sự ra đời xuất hiện và thời cơ chín muồi. Đó chính là những khả năng, những con đường hiện thực ra đời một cách tất yếu của xã hội mới - xã hội XHCN.

Với nhận thức như vậy, V.I.Lênin luận giải hai hình thức quá độ từ chủ nghĩa tư bản đi lên CNXH: *Một là*, quá độ lên CNXH từ những nước tư bản đã phát triển. Đây còn gọi là hình thức quá độ trực tiếp; *Hai là*, quá độ lên CNXH từ những nước chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đây còn gọi là hình thức quá độ gián tiếp. Cả hai hình thức này trong TKQĐ đều đan xen "những mảnh", "những yếu tố" của xã hội mới và xã hội cũ. Những yếu tố mới, tiến bộ

còn non trẻ và đang phát triển, những yếu tố cũ đã lạc hậu, yếu ớt cố giành lại ảnh hưởng trong lòng xã hội mới, tạo ra một thời kỳ đấu tranh lâu dài giữa những yếu tố cũ và mới. Riêng hình thức thứ hai thì TKQĐ sẽ khá dài, phải trải qua nhiều bước đi thích hợp với một khối lượng công việc lớn bao gồm những nội dung cơ bản của TKQĐ từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH và đồng thời phải đạt được những thành tựu căn bản của chủ nghĩa tư bản. Điều này được V.I.Lênin ví như việc "bắc những nhịp cầu nhỏ nhỏ" để từng bước xây dựng CNXH.

Việc chấm dứt chính sách cộng sản thời chiến và đưa ra Chính sách Kinh tế mới (NEP) (1921) ở Nga của V.I.Lênin là một sự vận dụng sáng tạo, đúng quy luật của chủ nghĩa Mác vào tình hình cụ thể nước Nga Xôviết, một quốc gia tiền tư bản chủ nghĩa đi lên CNXH.

Ở Việt Nam, quá trình vận dụng sáng tạo và bổ sung, phát triển lý luận về TKQĐ lên CNXH thể hiện trong từng giai đoạn với các nhận thức nhất định và ngày càng rõ hơn.

*Thứ nhất, về tính chất lâu dài, khó khăn và phức tạp của TKQĐ lên CNXH*

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rõ con đường cách mạng của nước ta là "*làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*"<sup>(7)</sup>. Đối với nhiệm vụ tiến lên xã hội cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, do điều kiện đặc thù của nước ta nên "tiến lên chủ nghĩa xã hội, không thể một sớm một chiều", mà cần thực hiện từng bước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, sau hòa bình lập lại ở miền Bắc (1954), do chủ quan, duy ý chí và mong muốn xây dựng CNXH một cách nhanh chóng ở miền Bắc, Hội nghị Trung ương 13 khóa II (12-1957), đã nhấn mạnh *quan điểm quá độ trực tiếp* thay thế cho *quan điểm quá độ dần*

*dần, từng bước*<sup>(6)</sup>. Quan điểm này được duy trì trong giai đoạn trước đổi mới và đạt được những thành tựu nhất định trong xây dựng CNXH, nhất là huy động được sức người, sức của trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhưng do duy trì quá lâu nên đã phát sinh những hệ quả tiêu cực. Đến cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 thế kỷ XX, Việt Nam rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng.

Bằng việc nhìn thẳng vào sự thật, Đại hội VI đã rút ra 4 bài học kinh nghiệm, trong đó khẳng định “Đảng phải luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan”<sup>(9)</sup>; và nhận định TKQĐ ở nước ta, “là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng”<sup>(10)</sup>. Nhận thức này đã khắc phục được tư tưởng chủ quan, nóng vội, giản đơn về TKQĐ. Tại Đại hội VII năm 1991, Đảng ta chỉ ra, trong quá trình xây dựng CNXH, chúng ta “đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần; có lúc đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp;...”<sup>(11)</sup>. Cương lĩnh nêu rõ, quá độ đi lên CNXH ở nước ta trong “*hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc*” nên cần phải trải qua *quá trình lâu dài với nhiều chặng đường*.

Tổng kết 15 năm đổi mới, Đại hội IX nhận định, TKQĐ ở nước ta là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, phải trải qua một thời kỳ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Cương lĩnh 2011 khẳng định: “Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong *bối cảnh quốc tế có những biến đổi*

*to lớn và sâu sắc*”<sup>(12)</sup>, trong đó, đặc điểm nổi bật của thời đại là “các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. *Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*”<sup>(13)</sup>.

*Thứ hai, về nội dung quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa trong TKQĐ lên CNXH*

Trước Đại hội IX (2001), các văn kiện của Đảng nhấn mạnh, Việt Nam đi lên CNXH “bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN” hoặc “không trải qua CNTB”. Từ nhận định này dẫn đến tư duy chủ quan, duy ý chí, tách biệt hoàn toàn mối quan hệ giữa các hình thái kinh tế - xã hội, giữa các chế độ xã hội; phủ nhận thành quả mà nhân loại đã đạt được qua các chế độ xã hội, các hình thái kinh tế - xã hội trước đó. Điều này trên thực tế đã cản trở sự phát triển xã hội.

Đến Đại hội IX, trên cơ sở đổi mới tư duy, rút ra những bài học kinh nghiệm, Đảng ta đã khẳng định, để đi lên CNXH, loài người cần tiếp thu các thành tựu về mọi mặt mà nhân loại đã đạt được trong các chế độ xã hội trước đó. Con đường đi lên CNXH ở Việt Nam là quá độ “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”<sup>(14)</sup>. Đây thực chất là bước *phát triển mới về nhận thức* bỏ qua chế độ TBCN. Nhận thức này đã trực tiếp khẳng định trên hai phương diện: *Một là, xét trên cơ sở lý luận hình thái kinh tế - xã hội*

thì việc bỏ qua chế độ TBCN là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN. Hai là, xét theo dòng chảy và tiến bộ lịch sử thì CNXH là nấc thang cao hơn CNTB nên cần tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được trong CNTB.

Trong thực tiễn, Đảng ta đã thể hiện rõ nhận thức về bỏ qua chế độ TBCN là bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột TBCN; bỏ qua thể chế chính trị, luật pháp không phù hợp với chế độ XHCN, chứ không bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển CNTB.

*Thứ ba, về mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chặng đường đầu TKQĐ*

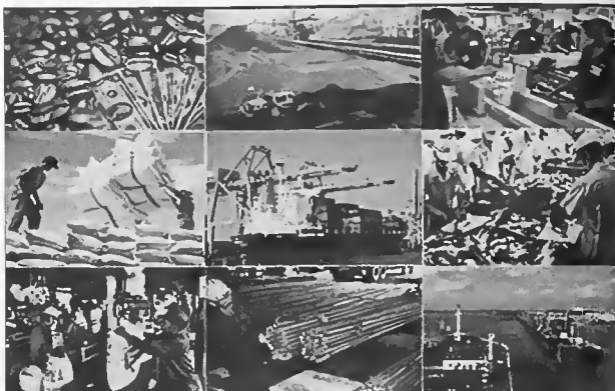
Sau năm 1975, chủ trương, đường lối được Đại hội IV xác định là nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng<sup>(15)</sup>, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; công nghiệp hóa XHCN là nhiệm vụ trung tâm của cả TKQĐ lên CNXH; xây dựng chế độ làm chủ tập thể XHCN, xây dựng nền sản xuất lớn XHCN,... Mục tiêu tổng quát trong giai đoạn đầu của TKQĐ được xác định là: “*Ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo*”<sup>(16)</sup>. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc chủ quan, duy ý chí trong việc đề ra đường lối, mục tiêu mà không tuân theo quy luật, thiếu những đánh giá khách quan về tình hình cụ thể đã đem lại kết quả không như mong đợi.

Từ sự nhìn nhận lại tính chất và đặc điểm của TKQĐ, đánh giá các thành quả và hạn chế trong quá trình xây dựng CNXH, Cương lĩnh 1991 xác định rõ mục tiêu tổng quát khi kết thúc TKQĐ ở Việt Nam là “*xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội*

với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh”<sup>(17)</sup>. Trong đó, mục tiêu của chặng đường đầu TKQĐ ở nước ta là: “*thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định, vững chắc tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau*”<sup>(18)</sup>.

Tổng kết việc thực hiện mục tiêu của Đại hội VII, Cương lĩnh 1991 và căn cứ vào tình hình thực tế đất nước, Đại hội VIII (1996) khẳng định, nước ta đã “*ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng, kết thúc chặng đường đầu tiên và bắt đầu bước vào chặng đường tiếp theo* của TKQĐ đi lên CNXH với nội dung trọng tâm là *đẩy mạnh CNH, HDH đất nước*, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. Điều này cũng được nhấn mạnh lại ở Đại hội IX (2001) và Đại hội X (2006). Đây thực chất là việc cụ thể hóa mục tiêu chung, đồng thời trực tiếp thực hiện mục tiêu của chặng đường đầu TKQĐ mà Cương lĩnh đã xác định.

Phát triển nhanh và bền vững để sớm kết thúc TKQĐ, với mục tiêu tổng quát là “*xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của CNXH với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước XHCN ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*”<sup>(19)</sup> là định hướng mà Đại hội XI (2011) đề ra. Theo đó, đến giữa thế kỷ XXI, Việt Nam cần phấn đấu trở thành “*một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”<sup>(20)</sup>. Mục tiêu này được Đại hội XII (2016), tiếp tục khẳng định, đồng thời chỉ rõ 12 nhiệm vụ tổng quát<sup>(19)</sup>. Mới đây Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII *Về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* tiếp tục làm rõ hơn quan điểm, mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở nước ta.



Sau 30 đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ \_ Ảnh: MH

*Thứ tư, về mô hình xây dựng CNXH; thể chế kinh tế; mô hình Nhà nước trong giai đoạn đầu của TKQĐ đi lên CNXH*

Từ 6 đặc trưng trong Cương lĩnh 1991<sup>(22)</sup>, đến 8 đặc trưng ở Đại hội X (2006)<sup>(23)</sup> và 8 đặc trưng trong Cương lĩnh 2011<sup>(24)</sup>, mô hình xã hội XHCN mà nhân dân ta tập trung xây dựng, hướng tới đã được bổ sung, toàn diện và hoàn chỉnh hơn. Trong đó, đặc trưng bao trùm, tổng quát là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Trong các đặc trưng về xã hội XHCN mà nhân dân ta tập trung xây dựng, hướng tới, việc kế thừa những thành tựu mà xã hội loài người đã đạt được dưới CNTB thể hiện rõ qua các đặc trưng về thể chế kinh tế và mô hình nhà nước, (hai lĩnh vực quan trọng, ảnh hưởng quyết định nhất đến cấu trúc của một hình thái kinh tế - xã hội).

Đổi mới thể chế kinh tế được Đại hội VI chính thức nêu ra qua yêu cầu cần trở lại quan điểm của V.I.Lênin về một “nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần” trong TKQĐ. Quan điểm này được bổ sung, phát triển qua nhiều kỳ đại hội và được Đại hội XII khẳng định, cần: “Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả theo quy luật kinh tế thị trường<sup>(25)</sup>, “đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước<sup>(26)</sup>; được Nghị quyết Trung ương 5, khóa XII nhấn mạnh là “một nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị”, là “nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững”...<sup>(27)</sup>.

Cũng như vậy, quan niệm về mô hình nhà nước của xã hội XHCN mà nhân dân ta tập trung

xây dựng đã được nhận thức, bổ sung và phát triển qua nhiều kỳ đại hội. Từ khái niệm “dân chủ” và “hệ thống chính trị” được chính thức đưa vào văn kiện của Đảng ở Hội nghị Trung ương 3, khóa VI (1989), đến khái niệm “Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”<sup>(28)</sup>, trong Cương lĩnh 1991 và khái niệm “nhà nước pháp quyền XHCN” chính thức được khẳng định ở Đại hội X (2006) là những bước phát triển trong nhận thức về mô hình nhà nước ở Việt Nam. Điều này được tiếp tục khẳng định trong Đại hội XII (2016), theo đó cần “Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và định hướng phát triển của Nhà nước; tạo môi trường thuận lợi cho sáng tạo, phát huy dân chủ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân”<sup>(29)</sup>.

Như vậy, từ quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về TKQĐ lên CNXH, trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam, nhận thức của Đảng ta về thời kỳ quá độ đi lên CNXH ngày càng sáng tỏ hơn. Điều này chính là kết quả của quá trình đổi mới tư duy, tổng kết thực tiễn và sự vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam trong mỗi thời kỳ phát triển □

(1) Năm hình thái kinh tế - xã hội theo C.Mác và Ph.Ăngghen là: Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy (công xã nguyên thủy); Hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ; Hình thái kinh tế - xã hội phong kiến; Hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa và Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

(2), (3) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.19, tr.47, 36.

(4), (5) V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.39, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, tr.309-310, 362.

(6) Xem: GS, PTS Nguyễn Trọng Chuẩn, PTS Phạm Văn Đức, PTS Hồ Sỹ Quý (Đồng chủ biên), *Những quan điểm cơ bản của C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.162-163.

(7) V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.44, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, tr.197.

(8) Xem: ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị Trung ương lần thứ 13, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II* (12-1957).

(9), (10) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1986, tr.30, 41.

(11) ĐCSVN: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr.1.

(12), (13), (19), (20), (24) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.67, 69, 71, 71, 70.

(14) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70.

(15) ĐCSVN: Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.67.

(16) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1986, tr.42.

(17), (18), (22), (28) ĐCSVN: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr.13-14, 14, 5, 5.

(21), (25), (26), (29) Xem: ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.77-80, 20, 25, 21.

(23) Xem: ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.68.

(27) Xem: ĐCSVN: Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 3-6-2017, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.